

ASKING QUESTIONS

Exercise 7. Warm-up. (Chart 5-2)

Choose the correct answers. There may be more than one correct answer for each question. **Chọn đáp án đúng. Có thể có nhiều hơn một đáp án trong mỗi câu.**

1. Where did you go?

- a. To the hospital. b. Yes, I did. c. Outside. d. Yesterday.

2. When is James leaving?

- a. I'm not sure. b. Yes, he is. c. Yes, he does. d. Around noon.

3. Who did you meet?

- a. Tariq did. b. Sasha. c. Well, I met Sam and Mia. d. Yes, I did.

5-2 Yes/No and Information Questions (Câu hỏi yes/no và Câu hỏi thông tin)

A yes/no question = a question that can be answered by "yes" or "no"

A: *Does Ann live in Montreal?*

B: *Yes, she does.* OR *No, she doesn't.*

An information question = a question that asks for information by using a question word: **where, when, why, who, whom, what, which, whose, how**

A: *Where does Ann live?*

B: *In Montreal.*

Câu hỏi yes/no là câu hỏi có thể được trả lời bằng "yes" hoặc "no"

A: *Does Ann live in Montreal?*

B: *Yes, she does.* OR *No, she doesn't.*

Câu hỏi thông tin là câu hỏi yêu cầu thông tin bằng cách sử dụng đại từ nghi vấn: *where, when, why, who, whom, what, which, whose, how*

A: *Where does Ann live?*

B: *In Montreal.*

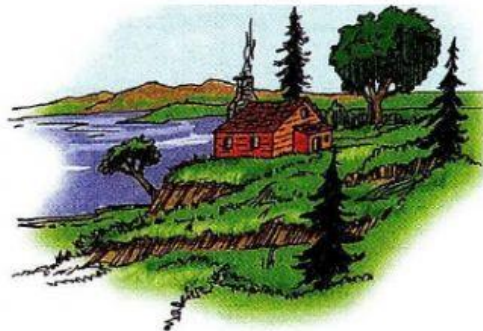
(Question Word) (Từ để hỏi)	Helping Verb (Trợ động từ)	Subject (Chủ ngữ)	Main Verb (Động từ chính)	(Rest of Sentence) (Phần còn lại của câu)	
(a)	Does	Ann	live	<i>in Montreal?</i>	The same subject-verb word order is used in both yes/no and information questions: <i>Helping Verb + Subject + Main Verb</i> Example (a) is a yes/no question Example (b) is an information question. Thứ tự chủ ngữ-động từ đều giống nhau trong cả câu hỏi yes/no và câu hỏi thông tin: Trợ động từ + Chủ ngữ + Động từ chính Ví dụ (a) là câu hỏi yes/no
(b) Where	does	Ann	live?		
(c)	Is	Sara	studying	<i>at the library?</i>	
(d) Where	is	Sara	studying?		
(e)	Will	you	graduate	<i>next year?</i>	
(f) When	will	you	graduate?		
(g)	Did	they	see	<i>Jack?</i>	
(h) Who(m)*	did	they	see?		
(i)	Is	Heidi		<i>at home?</i>	
(j) Where	is	Heidi?			

	Ví dụ (b) là câu hỏi thông tin. In (i) and (j): Main verb be in simple present and simple past (am, is, are was, were) precedes the subject. It has the same position as a helping verb. Trong (i) and (j): Động từ chính be ở hiện tại đơn và quá khứ đơn (am, is, are was, were) đứng trước chủ ngữ. Nó có cùng vị trí với trợ động từ.
(k) Who came to dinner? (l) What happened yesterday? 	When the question word (e.g., who or what) is the subject of the question, usual question word order is not used. Notice in (k) and (l) that no form of do is used. Khi đại từ nghi vấn (ví dụ: who or what) là chủ ngữ của câu hỏi, thứ tự từ đại từ nghi vấn thường không được sử dụng. Lưu ý trong (k) và (l), không có hình thức của do được sử dụng.

Exercise 8. Looking at grammar. (Chart 5-2)

Read the information about Irina and Paul. Then make complete questions with the given words and choose the correct short answers.

Đọc thông tin về Irina và Paul. Sau đó hoàn thành các câu sau với những từ đã cho và chọn câu trả lời ngắn đúng.



The Simple Life

Irina and Paul live a simple life. They have a one-room cabin on a lake in the mountains. They fish for some of their food. They also raise chickens. They pick fruit from trees and berries from bushes. They don't have electricity or TV, but they enjoy their life. They don't need a lot to be happy.

1. QUESTION: where\ Irina and Paul\ live?

Where do Irina and Paul live?

ANSWER: a. Yes, they do. **b. On a lake.**

2. QUESTION: Do / a simple life? / live / they

ANSWER: a. Yes, they live. b. Yes, they do.

3. QUESTION: pick / do / from the trees? / they / What

ANSWER: a. Fruit. b. Yes, they pick.

4. QUESTION: Do / electricity? / they / have

ANSWER: a. No, they don't. b. No, they don't have.

5. QUESTION: their / life? / they / enjoy / Do

ANSWER: a. Yes, they do. b. Yes, they enjoy.

6. QUESTION: they / Are / happy?

ANSWER: a. Yes, they do. b. Yes, they are.

Exercise 9. Listening. (Chart 5-2)

Listen to the conversation. Then listen again and complete the sentences with the words you hear. **Nghe đoạn hội thoại. Sau đó nghe lại và hoàn thành các câu sau bằng những từ bạn nghe được.**

Where are Roberto and Isabel?

A: _____ Roberto and Isabel?

B: Yes, _____. They live around the corner from me.

A: _____ them lately?

B: No, _____. They're out of town.

A: _____ to their parents? I heard Roberto's parents are ill.

B: Yes, _____. They went to help them.



A: _____ them soon?

B: Yes, _____. In fact, I'm going to pick them up at the airport.

A: _____ back this weekend? I'm having a party, and I'd like to invite them.

B: No, _____. They won't be back until Monday

Exercise 10. Warm-up. (Chart 5-3)

Complete the sentences with the most appropriate question word from the list. Match the answers to the questions.

Hoàn thành các câu sau với đại từ nghi vấn phù hợp từ danh sách dưới. Nối câu trả lời với câu hỏi phù hợp.

Why
What time
Where
When

QUESTIONS
1. _____ do you live? _____
2. _____ are you laughing? _____
3. _____ will you get here? _____

ANSWERS
a. At noon.
b. On Fifth Street.
c. Because the joke was funny

5-3 Where, Why, When, What Time, How Come, What... For

Question	Answer	
(a) Where did he go?	Home.	Where asks about <i>place</i> . A question with when can be answered any time expression, as in the sample answers in (b). A question with what time asks about <i>time on a clock</i> . Why asks about <i>reason</i> . Where hỏi về địa điểm.
(b) When did he leave?	Last night Two days ago. Monday morning Seven-thirty	
(c) What time did he leave?	Seven-thirty Around five o'clock A quarter past ten	
(d) Why did he leave?	Because he didn't feel well.	



Một câu hỏi với **when** có thể được trả lời với bất kỳ biểu thức thời gian nào, như trong câu trả lời mẫu ở (b).

Một câu hỏi về **what time** hỏi về thời gian trên đồng hồ.

Why lại hỏi về lý do.

(e) **What** did he leave **for** ?

(f) **How come** he left?



Why can also be expressed with the phrases **What ...for** and **How come**, as in (e) and (f).

Notice that with **How come**, usual question order is not used. The subject precedes the verb and no form of **do** is used.

Why cũng có thể được diễn đạt bằng các cụm từ **What ... for** và **How come**, như trong (e) và (f).

Lưu ý rằng với **How come**, thứ tự câu hỏi thường không được sử dụng. Chủ ngữ đứng trước động từ và dạng của **do** không được sử dụng.

Exercise 11. Looking at grammar. (Chart 5-3)

Complete each conversation. Make questions using the information from Speaker A.

Hoàn thành các đoạn hội thoại sau. Đặt câu hỏi sử dụng thông tin từ người

1. A: I'm going downtown in a few minutes.

B: I didn't catch that. When are you going downtown? or

B: I didn't catch that. Where are you going in a few minutes?

2. A: My kids are transferring to Lakeview Elementary School because it's a better school.

B: What was that? Where _____ ?

B: What was that? Why _____ ?

3. A: I will meet Taka at 10:00 at the mall.

B: I couldn't hear you. Tell me again. What time _____ ?

B: I couldn't hear you. Tell me again. Where _____ ?

4. A: Class begins at 8:15.

B: Are you sure? When _____ ?



B: Are you sure? What time _____?

5. A: I stayed home from work because I wanted to watch the World Cup final on TV.

B: Huh?! Why _____?

B: Huh?! What for _____?

“Successful people are always looking for opportunities to help others. Unsuccessful people are always asking, “What’s in it for me?”

Những người thành công luôn luôn tìm kiếm cơ hội để giúp đỡ người khác. Những người không thành công luôn luôn hỏi, “Tôi được lợi gì?”